

Số 5504/QĐ-UBND-TC

Quận 12, ngày 27 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh Quyết định giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách năm 2019 cho các đơn vị

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 5678/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Quận 12 về phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách Quận 12 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 756/QĐ-UBND-TC ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Quận 12 về việc giao quyền tự chủ về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công giai đoạn 2017 - 2019;

Căn cứ Công văn số 9509/UBND-TC ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Quận 12 về phương án phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 852/QĐ-UBND-TC ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Quận 12 về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2019 cho khối Quản lý nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Quận 12 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 đối với các đơn vị ngành giáo dục Quận 12;

Căn cứ Quyết định số 854/QĐ-UBND-TC ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Quận 12 về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2019 cho khối Đoàn thể;

Căn cứ Quyết định số 856/QĐ-UBND-TC ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Quận 12 về việc giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 cho Trung tâm Y tế Quận 12;

Căn cứ Quyết định số 857/QĐ-UBND-TC ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Quận 12 về việc giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 cho Trung tâm Văn hóa Quận 12;

Căn cứ Quyết định số 858/QĐ-UBND-TC ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Quận 12 về việc giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 cho Nhà Thiếu Nhi Quận 12;

Căn cứ Quyết định số 859/QĐ-UBND-TC ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Quận 12 về việc giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 cho Trung tâm Thể dục thể thao Quận 12;

Căn cứ Quyết định số 860/QĐ-UBND-TC ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Quận 12 về việc giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2019 cho Trung tâm Bồi dưỡng chính trị Quận 12;

Căn cứ Quyết định số 2091/QĐ-UBND-TC ngày 26 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Quận 12 về điều chỉnh dự toán năm 2019;

Xét đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 455/TTr-TC ngày 22 tháng 8 năm 2019 về việc điều chỉnh Quyết định giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách năm 2019 cho các đơn vị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung chi tiết các biểu dự toán kèm theo Quyết định số 852/QĐ-UBND-TC, Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC, Quyết định số 854/QĐ-UBND-TC; điểm 1.1, khoản 1 và điểm 2.1, khoản 2, Điều 1 của Quyết định số 856/QĐ-UBND-TC; khoản 1, phần A và phần B, Điều 1 của Quyết định số 857/QĐ-UBND-TC; khoản 1, phần A và phần B, Điều 1 của Quyết định số 858/QĐ-UBND-TC; khoản 1, phần A và phần B, Điều 1 của Quyết định số 859/QĐ-UBND-TC; điểm 1.1, khoản 1 và điểm 2.1, khoản 2, Điều 1 của Quyết định số 860/QĐ-UBND-TC; Điều 1 và Điều 2 của Quyết định số 2091/QĐ-UBND-TC. Cụ thể:

- Giảm dự toán kinh phí hoạt động thường xuyên (nguồn 13) và kinh phí không thường xuyên (nguồn 12) phần chênh lệch tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000 đồng lên 1.390.000 đồng năm 2019, số tiền: 42.460.769.850 đồng.

- Tăng nguồn thực hiện cải cách tiền lương (nguồn 14) phần chênh lệch tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000 đồng lên 1.390.000 đồng năm 2019, số tiền: 42.460.769.850 đồng.

(Đính kèm dự toán điều chỉnh kinh phí hoạt động của các đơn vị)

Điều 2. Căn cứ Quyết định điều chỉnh dự toán kinh phí giao năm 2019, Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm tổ chức thực hiện phân bổ dự toán chi đúng chế độ, tiêu chuẩn định mức, đúng thủ tục theo quy định của pháp luật, hạch toán giảm dự toán kinh phí hoạt động thường xuyên (nguồn 13) và kinh phí không thường xuyên (nguồn 12) phần chênh lệch tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000 đồng lên 1.390.000 đồng và tăng nguồn thực hiện cải cách tiền lương (nguồn 14) năm 2019 tương ứng số đã giảm.

Bắt đầu từ tháng 9/2019 trở đi, đối với phần chênh lệch tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000 đồng lên 1.390.000 đồng, khi chi tiền lương, phụ cấp theo lương,

khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ, các đơn vị chi và hạch toán từ nguồn thực hiện cải cách tiền lương (nguồn 14).

Điều 3. Các nội dung và điều khoản khác tại Quyết định số 852/QĐ-UBND-TC; Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC; Quyết định số 854/QĐ-UBND-TC; Quyết định số 856/QĐ-UBND-TC; Quyết định số 857/QĐ-UBND-TC; Quyết định số 858/QĐ-UBND-TC; Quyết định số 859/QĐ-UBND-TC; Quyết định số 860/QĐ-UBND-TC ngày 18 tháng 12 năm 2018 và Quyết định số 2091/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Quận 12 không thay đổi. Quyết định này là bộ phận không tách rời của Quyết định số 852/QĐ-UBND-TC; Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC; Quyết định số 854/QĐ-UBND-TC; Quyết định số 856/QĐ-UBND-TC; Quyết định số 857/QĐ-UBND-TC; Quyết định số 858/QĐ-UBND-TC; Quyết định số 859/QĐ-UBND-TC; Quyết định số 860/QĐ-UBND-TC ngày 18 tháng 12 năm 2018 và Quyết định số 2091/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân quận và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- UBND quận (CT, PCT/VX);
- Phòng TC-KH;
- Phòng GD và ĐT;
- VP.HĐND và UBND quận;
- Lưu (VT, Tâm)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Trọng Hải Hiếu

CHỦ TỊCH DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG NĂM 2019 CỦA CÁC ĐƠN VỊ
 đính kèm theo Quyết định số 564/QĐ-UBND-TC ngày 27/8/2019 của UBND Quận 12



STT	Tên đơn vị	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó
TỔNG CỘNG			714.102.667.124		714.102.667.124	42.460.769.850 1.210.000đ tăng từ 1.390.000đ (nguồn 14)
I	KHỐI QLNN		32.783.267.502		32.783.267.502	2.496.391.514
01	Văn phòng UBND và UBND quận	Biểu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2019 cho các đơn vị khối QLHCNN kèm theo Quyết định số 852/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12 và Điều 1, 2 Quyết định số 2091/QĐ-UBND-TC ngày 26/3/2019 của UBND Quận 12				
		Nghân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó:	6.826.141.664	Nghân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó:	6.826.141.664	
		- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	6.572.389.158	- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	6.152.155.758	
				- Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	420.233.400	420.233.400
		- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	253.752.506	- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	253.752.506	
		Nghân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó:	7.920.662.490	Nghân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó:	7.920.662.490	
		- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	7.444.234.928	- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	6.891.240.908	
				- Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	552.994.020	552.994.020
02	Phòng QLĐT	Biểu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2019 cho các đơn vị khối QLHCNN kèm theo Quyết định số 852/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12 và Điều 1, 2 Quyết định số 2091/QĐ-UBND-TC ngày 26/3/2019 của UBND Quận 12				
		- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	476.427.562	- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	476.427.562	
		Nghân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó:	2.273.490.526	Nghân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó:	2.273.490.526	
		- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	2.159.641.513	- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	1.958.541.193	
				- Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	201.100.320	201.100.320
03	Phòng TC-KH	Biểu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2019 cho các đơn vị khối QLHCNN kèm theo Quyết định số 852/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12 và Điều 1, 2 Quyết định số 2091/QĐ-UBND-TC ngày 26/3/2019 của UBND Quận 12				

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó	
							Số tiền	Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)
04	Phòng Nội vụ	Biểu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2019 cho các đơn vị khối QLHCNN kèm theo Quyết định số 852/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12 và Điều 1, 2 Quyết định số 2091/QĐ-UBND-TC ngày 26/3/2019 của UBND Quận 12	- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	113.849.013	- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	113.849.013		
			Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó:	2.276.266.100	Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó:	2.276.266.100		
			- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	2.170.140.252	- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	1.973.262.444		
			- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	106.125.848	- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	106.125.848		196.877.808
05	Phòng Tư pháp	Biểu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2019 cho các đơn vị khối QLHCNN kèm theo Quyết định số 852/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó:	1.374.212.056	Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó:	1.374.212.056		
			- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	1.303.583.726	- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	1.191.500.246		
			- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	70.628.330	- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	70.628.330		112.083.480
			Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó:	1.119.675.788	Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó:	1.119.675.788		
06	Thanh tra quận	Biểu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2019 cho các đơn vị khối QLHCNN kèm theo Quyết định số 852/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	1.060.851.375	- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	969.540.615		
			- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	58.824.413	- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	58.824.413	91.310.760	91.310.760

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó
							Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)
07	Phòng Kinh tế	Biểu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2019 cho các đơn vị khối QLHCNN kèm theo Quyết định số 852/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó:	1.366.704.114	Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó:	1.366.704.114	
			- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	1.296.144.485	- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	1.183.742.405	
					- Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	112.402.080	112.402.080
			- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	70.559.629	- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	70.559.629	
			Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó:	1.912.010.874	Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó:	1.912.010.874	
08	Phòng LĐTB-XH	Biểu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2019 cho các đơn vị khối QLHCNN kèm theo Quyết định số 852/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12 và Điều 1, 2 Quyết định số 2091/QĐ-UBND-TC ngày 26/3/2019 của UBND Quận 12	- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	1.811.186.450	- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	1.653.206.364	
					- Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	157.980.086	157.980.086
			- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	100.824.424	- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	100.824.424	
			Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó:	1.016.401.568	Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó:	1.016.401.568	
			- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	965.105.067	- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	884.116.947	
09	Phòng VH-TT	Biểu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2019 cho các đơn vị khối QLHCNN kèm theo Quyết định số 852/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12			- Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	80.988.120	80.988.120
			- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	51.296.501	- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	51.296.501	
			Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó:	2.388.449.652	Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó:	2.388.449.652	
10	Phòng GD và ĐT						

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó
							Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)
10	Phòng GD và ĐT	Biểu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2019 cho các đơn vị khối QLHCNN kèm theo Quyết định số 852/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13) - 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	2.294.859.695	- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13) - Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14) - 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	2.068.239.515	226.620.180
11	Phòng TN-MT	Biểu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2019 cho các đơn vị khối QLHCNN kèm theo Quyết định số 852/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12 và Điều 1, 2 Quyết định số 2091/QĐ-UBND-TC ngày 26/3/2019 của UBND Quận 12	Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó: - Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13) - 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	3.050.104.220	Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó: - Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13) - Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14) - 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	3.050.104.220	229.423.860
12	Phòng Y tế	Biểu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2019 cho các đơn vị khối QLHCNN kèm theo Quyết định số 852/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó: - Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13) - 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	1.259.148.450	Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó: - Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13) - Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14) - 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	1.259.148.450	114.377.400
II	KHỐI ĐOÀN THỂ			57.507.695	- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	57.507.695	557.646.336
01	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	Biểu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2019 khối ĐT kèm theo Quyết định số 854/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó: - Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	1.617.633.070	Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó: - Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	1.617.633.070	1.379.656.051

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó
							Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)
					- Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	153.132.876	153.132.876
			- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	84.844.143	- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	84.844.143	
			Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó:		Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó:		
			- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	1.546.068.172	- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	1.295.247.675	
			- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	1.432.542.027	- Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	137.294.352	137.294.352
			- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	113.526.145	- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	113.526.145	
			Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó:		Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó:		
			- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	1.437.141.050	- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	1.240.007.309	
			- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	124.305.948	- Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	124.305.948	124.305.948
			- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	72.827.793	- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	72.827.793	
			Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó:		Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó:		
			- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	853.885.804	- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	741.067.288	
			- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	805.072.840	- Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	64.005.552	64.005.552
			- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	48.812.964	- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	48.812.964	
02	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	Biểu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2019 khối ĐT kèm theo Quyết định số 854/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12					
03	Hội LHPN	Biểu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2019 khối ĐT kèm theo Quyết định số 854/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12					
04	Hội Nông dân	Biểu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2019 khối ĐT kèm theo Quyết định số 854/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12					

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó	
							Số tiền	Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)
05	Hội CCB	Biểu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2019 khối ĐT kèm theo Quyết định số 854/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó:	951.276.798	Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó:	951.276.798		
			- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	898.687.139	- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13) - Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	819.779.531		78.907.608
			- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	52.589.659	- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	52.589.659		
				125.904.170.000		125.904.170.000		6.535.650.000
01	Sơn Ca 5	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối MN kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	5.035.439.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	5.035.439.000		
			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	4.906.768.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13) + Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	4.519.545.000		387.223.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	128.671.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	128.671.000		
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	3.729.331.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	3.729.331.000		
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	1.513.560.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	1.404.560.000		62.000.000
					+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thu hút nhà giáo (nguồn 14)	62.000.000		
					+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	47.000.000		47.000.000

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó
							Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)
02	Vàng Anh	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối MN kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	2.215.771.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	2.215.771.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	3.672.651.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	3.672.651.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	3.567.580.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	3.278.912.000	
					+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	288.668.000	288.668.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	105.071.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	105.071.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	2.688.672.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	2.688.672.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	1.147.440.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	1.067.440.000	
03	Bông Hồng				+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thu hút nhà giáo (nguồn 14)	51.000.000	51.000.000
					+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	29.000.000	29.000.000
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	1.541.232.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	1.541.232.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	4.765.800.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	4.765.800.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	4.613.541.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	4.280.295.000	

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó	
							Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	
03	Bông Hồng	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối MN kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12			+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	333.246.000	333.246.000	
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	152.259.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	152.259.000		
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	3.152.997.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	3.152.997.000		
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	1.355.520.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	1.264.520.000		
					+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thu hút nhà giáo (nguồn 14)	52.000.000	52.000.000	
04	Hồng Yến	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối MN kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12			+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	39.000.000	39.000.000	
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	1.797.477.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	1.797.477.000		
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	4.949.163.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	4.949.163.000		
			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	4.777.967.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	4.441.030.000		
					+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	336.937.000	336.937.000	
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	171.196.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	171.196.000		
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	3.204.912.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	3.204.912.000		

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó
							Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)
04	Hồng Yên	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối MN kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	1.638.860.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	1.525.860.000	
					+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thu hút nhà giáo (nguồn 14)	82.000.000	82.000.000
					+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	31.000.000	31.000.000
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	1.566.052.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	1.566.052.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	2.203.049.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	2.203.049.000	
05	Sơn Ca 3	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối MN kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	2.139.457.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	1.990.207.000	
					+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	149.250.000	149.250.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	63.592.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	63.592.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	1.667.826.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	1.667.826.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	734.680.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	690.680.000	
					+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thu hút nhà giáo (nguồn 14)	25.000.000	25.000.000

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó	
							Phản chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	Phản chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)
06	Sơn Ca 2	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối MN kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12			+ Phản chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	19.000.000		19.000.000
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	933.146.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	933.146.000		
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	1.784.626.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	1.784.626.000		
			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	1.739.393.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	1.616.549.000		
					+ Phản chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	122.844.000		122.844.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	45.233.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	45.233.000		
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	1.277.971.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	1.277.971.000		
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	638.260.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	606.260.000		
					+ Phản chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thu hút nhà giáo (nguồn 14)	21.000.000		21.000.000
					+ Phản chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	11.000.000		11.000.000
07	Sơn Ca 4		+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	639.711.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	639.711.000		
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	2.044.148.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	2.044.148.000		

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó	
							Phân chênh lệch	do tăng tiền
07	Sơn Ca 4	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối MN kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	1.976.391.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	1.843.614.000		
					+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	132.777.000		132.777.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	67.757.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	67.757.000		
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	1.508.110.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	1.508.110.000		
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	670.000.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	629.000.000		
					+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thu hút nhà giáo (nguồn 14)	24.000.000		24.000.000
08	Sơn Ca 6	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối MN kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	838.110.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	838.110.000		
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	6.448.620.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	6.448.620.000		
			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	6.250.675.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	5.792.800.000		
					+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	457.875.000		457.875.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	197.945.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	197.945.000		

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó	
							Phản chênh lệch do tăng tiền	lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)
08	Sơn ca 6	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối MN kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	4.436.008.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	4.436.008.000		
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	1.724.320.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	1.608.320.000		
					+ Phản chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thu hút nhà giáo (nguồn 14)	79.000.000		79.000.000
					+ Phản chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	37.000.000		37.000.000
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	2.711.688.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	2.711.688.000		
09	Sơn Ca 7	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối MN kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	2.329.481.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	2.329.481.000		
			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	2.273.987.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	2.097.740.000		
					+ Phản chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	176.247.000		176.247.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	55.494.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	55.494.000		
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	1.864.794.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	1.864.794.000		
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	872.000.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	820.000.000		
					+ Phản chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thu hút nhà giáo (nguồn 14)	30.000.000		30.000.000

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó
							Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)
10	Hợp Mi 1	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối MN kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	992.794.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	992.794.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	6.003.655.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	6.003.655.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	5.814.507.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	5.435.451.000	
					+ Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	379.056.000	379.056.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	189.148.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	189.148.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	3.814.629.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	3.814.629.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	1.652.100.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	1.551.100.000	
					+ Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thu hút nhà giáo (nguồn 14)	69.000.000	69.000.000
					+ Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	32.000.000	32.000.000
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	2.162.529.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	2.162.529.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	5.310.611.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	5.310.611.000	

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó
							Phản chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)
11	Sơn Ca 8	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối MN kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	5.118.458.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13) + Phản chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	4.786.321.000	
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	192.153.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	192.153.000	332.137.000
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	3.240.776.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	3.240.776.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	1.419.520.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	1.326.520.000	
					+ Phản chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thu hút nhà giáo (nguồn 14)	78.000.000	78.000.000
					+ Phản chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	15.000.000	15.000.000
12	Sơn Ca 9	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối MN kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	1.821.256.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	1.821.256.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	3.727.859.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	3.727.859.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	3.598.968.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13) + Phản chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	3.349.628.000	249.340.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	128.891.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	128.891.000	

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó
							Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)
12	Sơn Ca 9	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối MN kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	2.334.683.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	2.334.683.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	979.840.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	918.840.000	
					+ Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thu hút nhà giáo (nguồn 14)	40.000.000	40.000.000
					+ Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	21.000.000	21.000.000
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	1.354.843.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	1.354.843.000	
13	Bé Ngoan	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối MN kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	3.848.014.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	3.848.014.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	3.733.648.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	3.488.773.000	
					+ Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	244.875.000	244.875.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	114.366.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	114.366.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	2.322.961.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	2.322.961.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	1.045.760.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	986.760.000	
					+ Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thu hút nhà giáo (nguồn 14)	43.000.000	43.000.000

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó	
							Phản chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	Phản chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)
14	Sơn Ca I	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối MN kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12			+ Phản chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	16.000.000		16.000.000
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	1.277.201.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	1.277.201.000		
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	3.556.783.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	3.556.783.000		
			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	3.422.821.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	3.183.666.000		
					+ Phản chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	239.155.000		239.155.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	133.962.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	133.962.000		
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	2.427.201.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	2.427.201.000		
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	1.065.420.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	990.420.000		
					+ Phản chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thu hút nhà giáo (nguồn 14)	40.000.000		40.000.000
					+ Phản chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	35.000.000		35.000.000
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	1.361.781.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	1.361.781.000		
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	5.091.784.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	5.091.784.000		

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó
							Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)
15	Bông Sen	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 Khối MN kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	4.862.910.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	4.578.665.000	
					+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	284.245.000	284.245.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	228.874.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	228.874.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	2.612.718.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	2.612.718.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	1.589.500.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	1.479.500.000	
					+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thu hút nhà giáo (nguồn 14)	92.000.000	92.000.000
16	Họa Mi 2				+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	18.000.000	18.000.000
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	1.023.218.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	1.023.218.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	5.406.742.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	5.406.742.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	5.214.049.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	4.854.856.000	
					+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	359.193.000	359.193.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	192.693.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	192.693.000	

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó	
							Phản chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	
16	Hòa Mi 2	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối MN kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	3.397.411.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	3.397.411.000		
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	1.452.040.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	1.356.040.000		
					+ Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thu hút nhà giáo (nguồn 14)	62.000.000	62.000.000	
					+ Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	34.000.000	34.000.000	
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	1.945.371.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	1.945.371.000		
17	Sơn Ca	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối MN kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	3.504.642.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	3.504.642.000		
			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	3.375.835.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	3.150.411.000		
					+ Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	225.424.000	225.424.000	
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	128.807.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	128.807.000		
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	2.236.983.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	2.236.983.000		
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	932.400.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	872.400.000		
					+ Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thu hút nhà giáo (nguồn 14)	38.000.000	38.000.000	

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó
							Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)
					+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	22.000.000	22.000.000
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	1.304.583.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	1.304.583.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	3.648.155.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	3.648.155.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	3.511.115.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	3.287.455.000	
					+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	223.660.000	223.660.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	137.040.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	137.040.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	1.704.293.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	1.704.293.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	837.000.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	797.000.000	
					+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thu hút nhà giáo (nguồn 14)	30.000.000	30.000.000
					+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	10.000.000	10.000.000
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	867.293.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	867.293.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	3.228.883.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	3.228.883.000	
18	Hoa Đào	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khởi MN kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12					

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)
19	Ngọc Lan	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối MN kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	3.096.264.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	2.925.766.000	
					+ Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	170.498.000	170.498.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	132.619.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	132.619.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	1.721.789.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	1.721.789.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	1.035.440.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	965.440.000	57.000.000
IV	KHỐI TH				+ Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thu hút nhà giáo (nguồn 14)	13.000.000	13.000.000
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	686.349.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	686.349.000	15.789.430.000
01	Trần Văn On	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối TH kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	6.517.068.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	6.517.068.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	6.299.388.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	5.797.082.000	
					+ Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	502.306.000	502.306.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	217.680.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	217.680.000	

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó
							Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)
01	Trần Văn Ôn	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối TH kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	3.467.704.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	3.467.704.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	691.000.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	624.000.000	
					+ Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	67.000.000	67.000.000
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	2.776.704.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	2.776.704.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	5.880.889.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	5.880.889.000	
02	Hỗ Văn Thanh	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối TH kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	5.686.781.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	5.227.782.000	
					+ Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	458.999.000	458.999.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	194.108.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	194.108.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	3.339.690.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	3.339.690.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	695.000.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	628.000.000	
					+ Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	67.000.000	67.000.000
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	2.644.690.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	2.644.690.000	

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó	
							Số tiền	Phản chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)
03	Trần Quang Cơ	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối TH kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	12.754.059.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	12.754.059.000		
			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	12.319.258.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	11.341.341.000		
					+ Phản chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	977.917.000		977.917.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	434.801.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	434.801.000		
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	6.309.281.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	6.309.281.000		
04	Nguyễn Văn Thệ	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối TH kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	1.058.600.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	947.600.000		
					+ Phản chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	111.000.000		111.000.000
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	5.250.681.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	5.250.681.000		
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	4.219.252.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	4.219.252.000		
			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	4.085.179.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	3.761.089.000		
04	Nguyễn Văn Thệ				+ Phản chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	324.090.000		324.090.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	134.073.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	134.073.000		
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	2.253.381.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	2.253.381.000		

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó
							Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)
05	Phạm Văn Chiêu	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối TH kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	476.000.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	437.000.000	
					+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	39.000.000	39.000.000
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	1.777.381.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	1.777.381.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	9.512.526.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	9.512.526.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	9.177.652.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	8.484.939.000	
					+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	692.713.000	692.713.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	334.874.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	334.874.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	4.507.894.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	4.507.894.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	888.000.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	802.000.000	
					+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	86.000.000	86.000.000
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	3.619.894.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	3.619.894.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	12.965.317.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	12.965.317.000	

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó
							Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)
06	Nguyễn Trãi	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối TH kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	12.562.202.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	11.499.287.000	
					+ Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	1.062.915.000	1.062.915.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	403.115.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	403.115.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	7.233.029.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	7.233.029.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	1.267.000.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	1.125.000.000	
07	Lê Văn Thọ	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối TH kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	5.966.029.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	5.966.029.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	17.861.981.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	17.861.981.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	17.212.591.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	15.813.353.000	
					+ Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	1.399.238.000	1.399.238.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	649.390.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	649.390.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	9.400.821.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	9.400.821.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	1.530.400.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	1.355.400.000	

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó
							Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	7.870.421.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14) + Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở	175.000.000	175.000.000
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở	8.185.088.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở	8.185.088.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	7.920.201.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	7.269.123.000	
					+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	651.078.000	651.078.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	264.887.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	264.887.000	
08	Nguyễn Thị Minh Khai	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khởi TH kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	4.671.081.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	4.671.081.000	
				907.000.000	+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	95.000.000	95.000.000
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	3.764.081.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	3.764.081.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	7.212.303.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	7.212.303.000	
09	Thuận Kiều	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khởi TH kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12		6.997.432.000		6.407.988.000	

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó	
							Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)
09	Thuận Kiều	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối TH kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12			+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	589.444.000		589.444.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	214.871.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	214.871.000		
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:		- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:			
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	757.000.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	4.079.756.000	4.079.756.000	
					+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	75.000.000		75.000.000
10	Nguyễn Du	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối TH kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	3.322.756.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	3.322.756.000		
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	8.281.306.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	8.281.306.000		
			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	8.000.962.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	7.390.721.000		
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	280.344.000	+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	610.241.000		610.241.000
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	4.052.589.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	280.344.000		
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	738.500.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	4.052.589.000	4.052.589.000	
						668.500.000		

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó
							Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)
					+ Phán chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	70.000.000	70.000.000
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	3.314.089.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	3.314.089.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	6.629.753.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	6.629.753.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	6.437.868.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	5.891.101.000	
					+ Phán chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	546.767.000	546.767.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	191.885.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	191.885.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	3.584.303.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	3.584.303.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	603.700.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	550.700.000	
					+ Phán chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	53.000.000	53.000.000
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	2.980.603.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	2.980.603.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	8.693.605.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	8.693.605.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	8.375.917.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	7.790.030.000	
11	Nguyễn Khuyến	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối TH kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12					

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó
							Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)
12	Quới Xuân	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối TH kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12			+ Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	585.887.000	585.887.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	317.688.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	317.688.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	3.395.630.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	3.395.630.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	530.400.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	487.400.000	
13	Quang Trung	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối TH kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12			+ Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	43.000.000	43.000.000
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	2.865.230.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	2.865.230.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	7.182.641.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	7.182.641.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	6.924.675.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	6.366.781.000	
					+ Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	557.894.000	557.894.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	257.966.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	257.966.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	3.657.905.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	3.657.905.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	599.000.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	544.000.000	

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó
							Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	3.058.905.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	3.058.905.000	55.000.000
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	11.656.411.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	11.656.411.000	55.000.000
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	11.926.531.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	11.926.531.000	10.606.379.000
14	Kim Đồng	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	396.319.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	396.319.000	917.024.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	5.875.905.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	5.875.905.000	104.000.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	991.200.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	887.200.000	104.000.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	1.210.000đ (nguồn 12)	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	1.210.000đ (nguồn 12)	104.000.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	1.210.000đ (nguồn 12)	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	1.210.000đ (nguồn 12)	104.000.000

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó	
							Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	
15	Hà Huy Giáp	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối TH kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12			+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	863.671.000	863.671.000	
				+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	456.481.000	456.481.000		
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:		- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	5.109.393.000	5.109.393.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	764.700.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	688.700.000		
					+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	76.000.000	76.000.000	
16	Võ Văn Tấn	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối TH kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	4.344.693.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	4.344.693.000		
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	9.139.165.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	9.139.165.000		
			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	8.824.441.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	8.107.109.000		
					+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	717.332.000	717.332.000	
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	314.724.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	314.724.000		
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	4.764.043.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	4.764.043.000		
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	817.000.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	734.000.000		

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó
							Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)
					+ Phản chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	83.000.000	83.000.000
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	3.947.043.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	3.947.043.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	4.469.110.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	4.469.110.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	4.337.637.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	3.962.647.000	
					+ Phản chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	374.990.000	374.990.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	131.473.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	131.473.000	
17	Tưương Định	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối TH kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	2.613.044.000	2.613.044.000
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	556.000.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	506.000.000	
					+ Phản chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	50.000.000	50.000.000
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	2.057.044.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	2.057.044.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	6.521.419.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	6.521.419.000	
18	Nguyễn Thị Định	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối TH kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	6.327.110.000	5.831.630.000

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó	
							Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)
18	Nguyễn Thị Định	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối TH kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12			+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	495.480.000		495.480.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	194.309.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	194.309.000		
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	3.136.104.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	3.136.104.000		
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	504.000.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	461.000.000		
					+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	43.000.000		43.000.000
19	Nguyễn Thái Bình	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối TH kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	2.632.104.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	2.632.104.000		
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	10.925.120.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	10.925.120.000		
			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	10.518.351.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	9.694.950.000		
					+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	823.401.000		823.401.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	406.769.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	406.769.000		
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	4.957.895.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	4.957.895.000		
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	611.000.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	554.000.000		

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó
							Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	4.346.895.000	+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14) + Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở	57.000.000	57.000.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	8.071.962.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	7.172.948.000	
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	7.794.505.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13) + Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	621.557.000	621.557.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	277.457.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	277.457.000	
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	3.938.803.000	+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14) + Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở	595.000.000	63.000.000
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	658.000.000	+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14) + Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở	63.000.000	63.000.000
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	3.280.803.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	3.280.803.000	
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	3.451.008.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	3.451.008.000	
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	3.329.562.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	3.084.532.000	
21	Vô Thị Sáu	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối TH kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	3.451.008.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	3.451.008.000	
20	Lý Tự Trọng	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối TH kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	3.280.803.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	3.280.803.000	

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó	
							Phản chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	Phản chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)
21	Võ Thị Sáu	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối TH kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12			+ Phản chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	245.030.000		245.030.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	121.446.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	121.446.000		
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:		- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:			
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	1.135.112.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	1.135.112.000		
				245.000.000		236.000.000		
22	Võ Thị Thừa	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối TH kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12			+ Phản chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	9.000.000		9.000.000
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	890.112.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	890.112.000		
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	2.888.720.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	2.888.720.000		
			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	2.782.788.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	2.582.332.000		
					+ Phản chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	200.456.000		200.456.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	105.932.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	105.932.000		
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	815.753.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	815.753.000		
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	248.900.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	240.900.000		

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó
							Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	566.853.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	566.853.000	
					+ Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	8.000.000	8.000.000
V	KHỎI THCS			225.017.996.000		225.017.996.000	13.563.652.000
01	Nguyễn Vĩnh Nghiệp	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối THCS kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	8.828.729.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	8.828.729.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở	8.628.076.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở	7.814.504.000	
			1.390.000đ (nguồn 13)		1.210.000đ (nguồn 13)		
					+ Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	813.572.000	813.572.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	200.653.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	200.653.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	5.850.583.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	5.850.583.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở	1.070.250.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở	957.250.000	
			1.390.000đ (nguồn 12)		1.210.000đ (nguồn 12)		
					+ Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	113.000.000	113.000.000
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	4.780.333.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	4.780.333.000	
02	Nguyễn Ánh Thủ	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối THCS kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	8.322.392.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	8.322.392.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở	8.077.898.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở	7.363.636.000	
			1.390.000đ (nguồn 13)		1.210.000đ (nguồn 13)		

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó
							Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)
02	Nguyễn Ánh Thủ	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối THCS kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12			+ Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	714.262.000	714.262.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	244.494.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	244.494.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	4.697.175.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	4.697.175.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	820.600.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	738.600.000	
					+ Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	82.000.000	82.000.000
03	Phan Bội Châu	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối THCS kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	3.876.575.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	3.876.575.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	15.407.200.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	15.407.200.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	14.994.399.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	13.618.134.000	
					+ Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	1.376.265.000	1.376.265.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	412.801.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	412.801.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	9.488.989.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	9.488.989.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	1.471.300.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	1.324.300.000	

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó
							Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)
04	Nguyễn An Ninh	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối THCS kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	8.017.689.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	8.017.689.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	15.962.151.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	15.962.151.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở	15.555.064.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở	14.104.638.000	
			1.390.000đ (nguồn 13)		1.210.000đ (nguồn 13)		
					+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	1.450.426.000	1.450.426.000
04	Nguyễn An Ninh	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối THCS kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	407.087.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	407.087.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	9.719.688.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	9.719.688.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở	1.603.200.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở	1.433.200.000	
			1.390.000đ (nguồn 12)		1.210.000đ (nguồn 12)		
					+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	170.000.000	170.000.000
05	An Phú Đông	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối THCS kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	8.116.488.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	8.116.488.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	8.612.778.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	8.612.778.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở	8.396.043.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở	7.659.356.000	
			1.390.000đ (nguồn 13)		1.210.000đ (nguồn 13)		

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó	
							Số tiền	Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)
05	An Phú Đông	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối THCS kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12			+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	736.687.000		736.687.000
				+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	216.735.000	216.735.000		
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:		- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	4.666.083.000	4.666.083.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	852.100.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	779.100.000		
					+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	73.000.000	73.000.000	73.000.000
06	Nguyễn Huệ	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối THCS kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	3.813.983.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	3.813.983.000		
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	13.274.102.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	13.274.102.000		
			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	12.939.380.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	11.733.460.000		
					+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	1.205.920.000	1.205.920.000	1.205.920.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	334.722.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	334.722.000		
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	8.020.322.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	8.020.322.000		
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	1.315.250.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	1.178.250.000	1.178.250.000	

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó
							Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)
					+ Phấn chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	137.000.000	137.000.000
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	6.705.072.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	6.705.072.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	15.301.764.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	15.301.764.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	14.933.229.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	13.511.213.000	
					+ Phấn chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	1.422.016.000	1.422.016.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	368.535.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	368.535.000	
07	Nguyễn Hiền	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối THCS kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	10.301.487.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	10.301.487.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	1.660.900.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	1.484.900.000	
					+ Phấn chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	176.000.000	176.000.000
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	8.640.587.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	8.640.587.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	15.477.187.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	15.477.187.000	
08	Trần Quang Khai	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối THCS kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	15.061.334.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	13.660.220.000	

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó
							Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)
08	Trần Quang Khải	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối THCS kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12			+ Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	1.401.114.000	1.401.114.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	415.853.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	415.853.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	9.778.825.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	9.778.825.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	1.448.500.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	1.295.500.000	
					+ Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	153.000.000	153.000.000
09	Lương Thế Vinh	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối THCS kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	8.330.325.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	8.330.325.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	7.668.788.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	7.668.788.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	7.481.524.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	6.776.300.000	
					+ Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	705.224.000	705.224.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	187.264.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	187.264.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	4.928.771.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	4.928.771.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	811.700.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	744.700.000	

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó
							Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)
10	Trần Hưng Đạo	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối THCS kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	4.117.071.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	4.117.071.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	9.709.625.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	9.709.625.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	9.401.508.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	8.658.103.000	
					+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	743.405.000	743.405.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	308.117.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	308.117.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	4.508.668.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	4.508.668.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	620.000.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	570.000.000	
11	Nguyễn Trung Trục	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối THCS kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12			+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	50.000.000	50.000.000
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	3.888.668.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	3.888.668.000	
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	10.271.138.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	10.271.138.000	
			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	9.937.869.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	9.116.005.000	

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó	
							Phản chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	Phản chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)
11	Nguyễn Trung Trục	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối THCS kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12			+ Phản chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	821.864.000		821.864.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	333.269.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	333.269.000		
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:		- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:			
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	607.450.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	554.450.000		
					+ Phản chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14)	53.000.000		53.000.000
12	Nguyễn Chí Thanh	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối THCS kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	4.527.219.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	4.527.219.000		
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	8.382.817.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	8.382.817.000		
			+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	8.033.688.000	+ Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	7.495.345.000		
					+ Phản chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	538.343.000		538.343.000
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	349.129.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	349.129.000		
			- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	2.885.106.000	- Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó:	2.885.106.000		
			+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	375.700.000	+ Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	353.700.000		

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó	
							Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	2.509.406.000	+ Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ phụ cấp thâm niên nhà giáo (nguồn 14) + Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	22.000.000	22.000.000	
			+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	254.256.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	372.554.000	372.554.000	
13	Hà Huy Tập	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 khối THCS kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 12)	1.846.353.000	+ 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi không thường xuyên (nguồn 12), trong đó: + Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 12)	19.000.000	19.000.000	
			+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	10.848.953.000	+ Thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14) - Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	4.274.256.000	4.274.256.000	
VI	KHOA ĐƠN VI GD TRỰC THUỘC			10.848.953.000		10.848.953.000	960.000.000	

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó	
							Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	
01	Trường CB Ánh Dương	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 các đơn vị trực thuộc kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	4.105.322.757	- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	3.429.322.757		
					- Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	676.000.000	676.000.000	676.000.000
			- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	168.933.243	- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	168.933.243		
			Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	6.574.697.000	Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chi thường xuyên (nguồn 13), trong đó:	6.574.697.000		
01	Trung tâm GDNN-GD TX	Biểu dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 các đơn vị trực thuộc kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12	- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	6.462.624.462	- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	6.178.624.462		
					- Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	284.000.000	284.000.000	284.000.000
			- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	112.072.538	- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	112.072.538		
				35.897.925.728		35.897.925.728		2.558.000.000
VII	CÁC ĐƠN VỊ KHÁC		Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó:	1.180.000.000	Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó:	1.180.000.000		
01	Trung tâm BDCT	Điểm 1.1, Khoản 1 và điểm 2.1, khoản 2, Điều 1 Quyết định số 860/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12.	- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	1.152.642.602	- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	1.066.642.602		
					- Phần chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	86.000.000	86.000.000	86.000.000
			- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	27.357.398	- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	27.357.398		
			Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó:	30.240.000.000	Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó:	30.240.000.000		
02	Trung tâm Y tế	Điểm 1.1, Khoản 1 và điểm 2.1, khoản 2, Điều 1 Quyết định số 856/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12.	- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	29.324.239.500	- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	27.180.239.500		

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định	Nội dung đã duyệt	Số tiền	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Trong đó
							Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)
03	Trung tâm Văn hóa	Khoản 1, phần A và phần B, Điều 1 Quyết định số 857/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12.	- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	915.760.500	- Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	2.144.000.000	2.144.000.000
			Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó:	1.779.914.000	Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó:	1.779.914.000	
			- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	1.692.151.266	- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	1.562.151.266	
			- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	87.762.734	- Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	130.000.000	130.000.000
			Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó:	928.011.728	Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó:	928.011.728	
04	Nhà thiếu nhi	Khoản 1, phần A và phần B, Điều 1 Quyết định số 858/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12.	- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	891.553.546	- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	779.553.546	
			- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	36.458.182	- Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	112.000.000	112.000.000
			Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó:	1.770.000.000	Ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện chế độ tư chủ (nguồn 13), trong đó:	1.770.000.000	
			- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.390.000đ (nguồn 13)	1.719.792.066	- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000đ (nguồn 13)	1.633.792.066	
			- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	50.207.934	- Phân chênh lệch do tăng tiền lương cơ sở từ 1.210.000đ lên 1.390.000đ (nguồn 14)	86.000.000	86.000.000
05	Trung tâm TDTT	Khoản 1, phần A và phần B, Điều 1 Quyết định số 859/QĐ-UBND-TC ngày 18/12/2018 của UBND Quận 12.	- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	50.207.934	- 10% cải cách tiền lương năm 2019 (nguồn 14)	50.207.934	

